KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 29/12/2023	12,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	0%	0%

Lịch sử giá

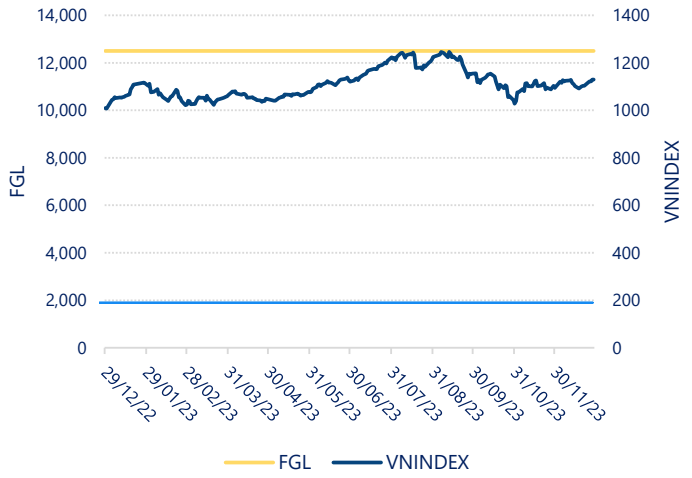

	2023	YoY
DT thuần	**11.3** tỷ VNĐ	▼ 2.50 ▼ 18.1%
LN gộp	**-0.20** tỷ VNĐ	▲ 4.75 ▲ 96.0%
LN thuần	**-12.5** tỷ VNĐ	▲ 4.70 ▲ 27.3%
LN sau thuế	**-12.4** tỷ VNĐ	▲ 12.4 ▲ 49.9%
ROE	**-18.8%**	+/- YoY ▲ 10.5%
ROA	**-7.8%**	+/- YoY ▲ 6.0%

Kết quả kinh doanh

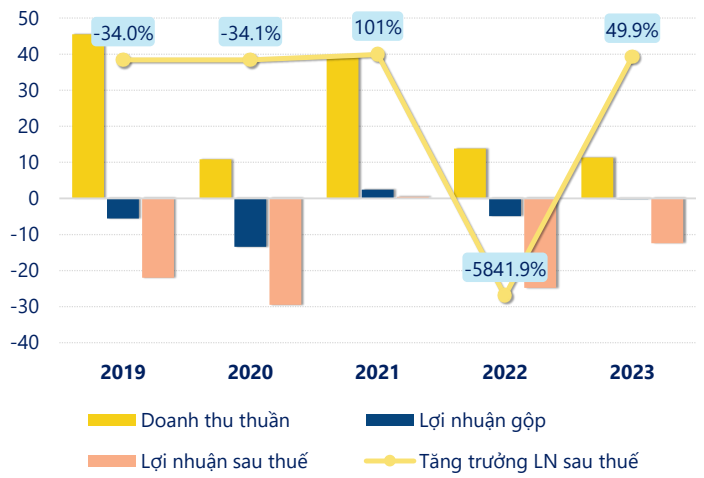

Kết quả kinh doanh **FGL** năm **2023**, doanh thu thuần **giảm mạnh 18.1%** chỉ còn **11.33** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 49.9%** đạt **-12.44** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu cùng với lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -18.8% là dấu hiệu cảnh báo của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

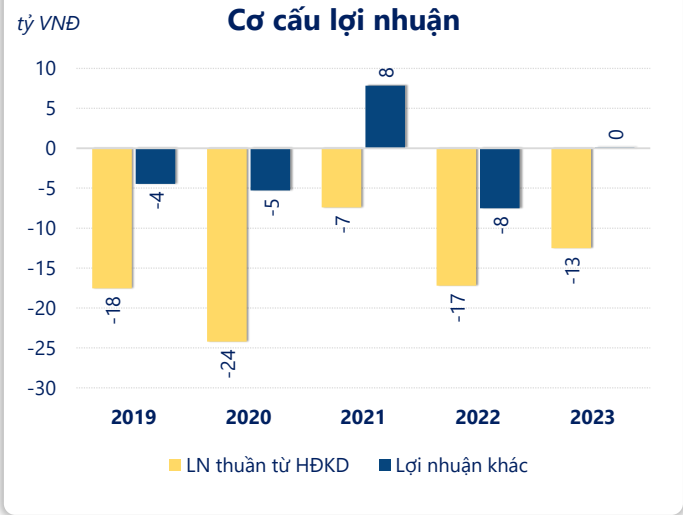

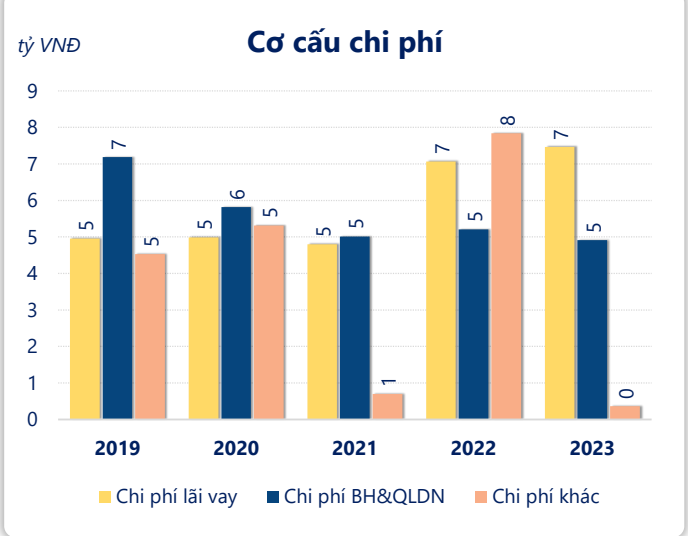

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **FGL** năm **2023 tăng lên 4.70** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 12.52 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2020** là 24.22 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **7.46** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp giảm** xuống còn **4.91** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.36** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của FGL năm 2023 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-18.8%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.

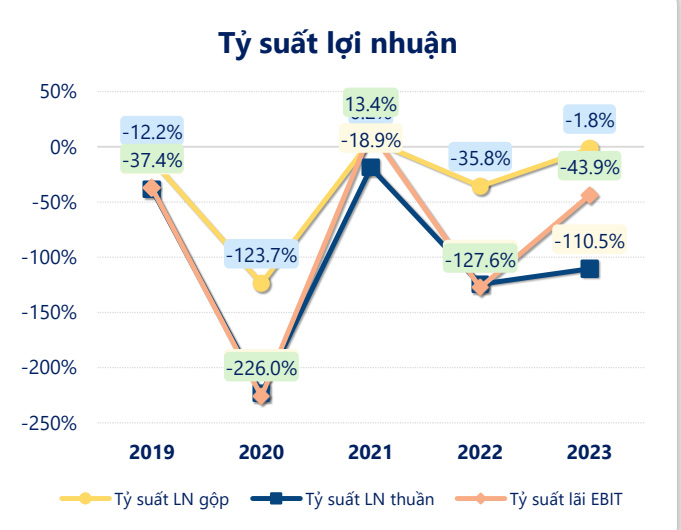

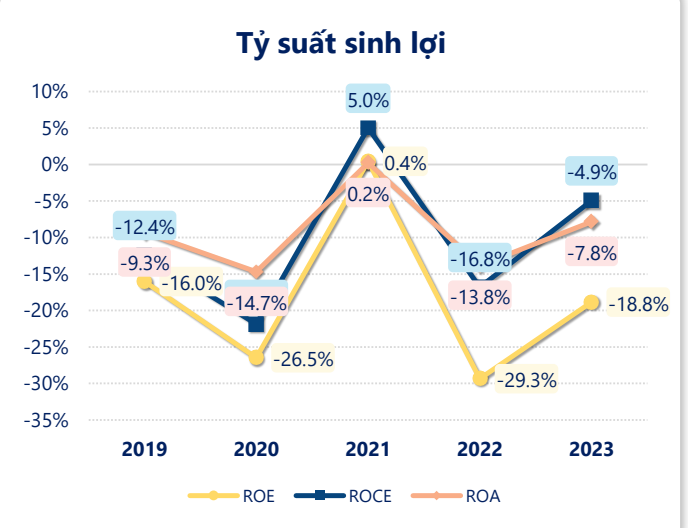

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2019	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	**45.5**	**10.8**	**39.0**	**13.8**	**11.3**
Giá vốn hàng bán	51.1	24.3	36.6	18.8	11.5
Lợi nhuận gộp	**-5.55**	**-13.4**	**2.41**	**-4.95**	**-0.20**
Doanh thu HĐTC	0.16	0.00	0.00	0.00	0.05
Chi phí TC	4.95	4.98	4.80	7.07	7.46
Chi phí lãi vay	**4.95**	**4.98**	**4.80**	**7.07**	**7.46**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.12	0.12	0.01	0.01	0.02
Chi phí QLDN	7.07	5.70	5.00	5.20	4.89
LN thuần từ HĐKD	**-17.5**	**-24.2**	**-7.39**	**-17.2**	**-12.5**
Lợi nhuận khác	-4.45	-5.27	7.82	-7.51	0.08
LN trước thuế	**-22.0**	**-29.5**	**0.43**	**-24.7**	**-12.4**
Lợi nhuận sau thuế	**-22.0**	**-29.5**	**0.43**	**-24.8**	**-12.4**
LNST của CĐ cty mẹ	**-22.0**	**-29.5**	**0.43**	**-24.8**	**-12.4**

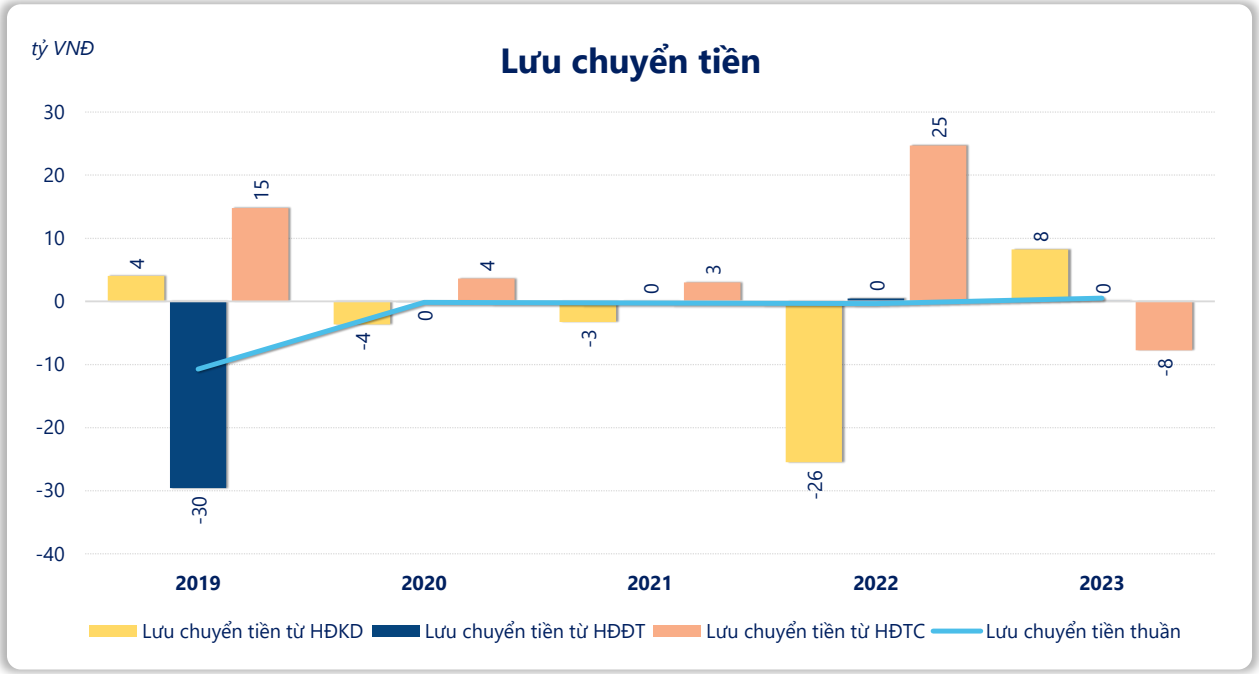

Lưu chuyển tiền thuần năm 2023 của FGL bằng **0.51** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2022 (-0.34 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **8.23** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **0.05** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-7.77** tỷ đồng.